VIỆC LÀM VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI KHU CÔNG NGHIỆP QUẾ VÕ TỈNH BẮC NINH DO ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19

Nguyễn Thị Hải Ninh
Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: nthaininh@vnua.edu.vn

Mã bài: JED - 216
Ngày nhận bài: 09/06/2021
Ngày nhận bài sửa: 05/07/2021
Ngày duyệt đăng: 12/08/2021

Tóm tắt:
Nghiên cứu phân tích thực trạng việc làm, đời sống và ứng phó việc làm của người lao động khu công nghiệp Quế Võ tỉnh Bắc Ninh dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Dựa trên số liệu điều tra từ 120 lao động làm việc trong lĩnh vực dệt may và điện tử, kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn người lao động bị giảm việc làm và tỷ lệ lao động dệt may bị giảm việc nhiều hơn lao động điện tử, thời gian làm việc trung bình/ngày của lao động dệt may cũng thấp hơn 1 giờ. Hệ quả tất yếu của giảm việc làm là thu nhập sụt giảm nghiêm trọng và sự cắt giảm chi tiêu gần như tối đa của người lao động. Để ứng phó, người lao động đã phải làm thêm nhiều công việc hoặc thậm chí chuyển việc. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố ảnh hưởng khiến một tỷ lệ đông lao động vẫn cố gắng duy trì công việc như giới tính, con cái, trình độ và đặc biệt là các chính sách hỗ trợ nhằm giữ chân lao động của doanh nghiệp.
Từ khóa: đại dịch covid 19, đời sống, khu công nghiệp, người lao động, việc làm.
Mã JEL: C51, J16, J17, J21.

Jobs and lives of employees in Que Vo industrial zone of Bac Ninh province under the impact of COVID-19

Abstract:
This study is to analyze the current situations of jobs, lives of employees and employees' responses in Que Vo industrial zone of Bac Ninh under the influence of COVID-19 pandemic. Data were collected from the the survey of 120 employees working in garment and electronic firms. The results show that the majority of employees lost part of their jobs, and the percentage of garment employees who are reduced their jobs is higher than the percentage of electronic employees. In addition, the average working time per day of garment employees is also less than 1 hour. The inevitable consequence of job reducing causes the rapid reduction of income and expenditure as well. To cope with these challenges, employees decide to do extra jobs or even change their jobs. However, there are some determinants that make a large proportion of employees still maintain their jobs such as gender, number of children, level of education, and especially supporting policies to retain employees.
Keywords: *COVID-19, life, industrial zone, employee, job.*
JEL Codes: C51, J16, J17, J21

1. Đặt vấn đề

Đại dịch Covid-19 đã gây ra những tác động rất lớn tới doanh nghiệp và người lao động ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế (Đỗ Quỳnh Chi, 2020). Liên quan đến người lao động, báo cáo tác động Covid-19 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cho thấy số giờ làm việc toàn cầu năm 2020 đã sụt giảm 8,8% so với 2019. Mức độ sụt giảm này bao gồm cả số giờ làm việc bị giảm của những người vẫn có việc làm và những người bị mất việc. Đáng chú ý là khoảng 71% số người bị mất việc (tương đương 81 triệu người) quyết định rời bỏ thị trường lao động thay vì đi tìm công việc khác và trở thành thất nghiệp (ILO, 2020).

Tại Việt Nam, mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực khôi phục kinh tế để cải thiện tình hình lao động việc làm, nhưng đến giữa năm 2021 vẫn còn hơn 9 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi Covid-19, trong đó có 540 nghìn người bị mất việc; 2,8 triệu người phải tạm nghỉ, tạm ngừng sản xuất kinh doanh; 3,1 triệu người cho biết họ bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên; 6,5 triệu người bị giảm thu nhập (Tổng cục Thống kê, 2021). Xét theo ngành nghề, các ngành bị ảnh hưởng nhiều nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động như du lịch và lưu trú, hàng không, bán lẻ và các ngành chế tạo xuất khẩu như dệt may, da giày, chế biến thực phẩm và điện tử (Đỗ Quỳnh Chi, 2020). Mất và thiếu việc làm kéo theo tình trạng mất và giảm thu nhập, điều này tác động rất lớn đến khả năng nuôi sống bản thân và gia đình của người lao động. Gần 87% công nhân được khảo sát trong ngành dệt may cho biết thu nhập của họ không thể đáp ứng được nhu cầu cơ bản của gia đình bao gồm thực thẩm, nhu yếu phẩm, nhà ở và điện nước (Care Việt Nam, 2020). Về công nghiệp điện tử (hàng tiêu dùng, điện thoại, máy tính và linh kiện), mức độ người lao động bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng Covid-19 dường như ít nghiêm trọng hơn ngành dệt may. Mặc dù vậy sự sụt giảm từ 10% đến 20% đơn đặt hàng của các doanh nghiệp trong năm 2020 cũng kéo theo một lượng không nhỏ người lao động bị giảm việc làm và thu nhập (Nguyễn Lương Hiền & cộng sự, 2020).

Khu công nghiệp Quế Võ được thành lập năm 2002, là một khu công nghiệp lớn nhất và quan trọng hàng đầu của tỉnh Bắc Ninh. Với sự tập trung chủ yếu của các doanh nghiệp điện tử và dệt may, mật độ công nhân tại khu công nghiệp Quế Võ cao gấp 5 lần so với các khu công nghiệp khác trên cả nước (Cục Thống kê Bắc Ninh, 2020). Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may và điện tử tại khu công nghiệp Quế Võ. Kéo theo đó, việc làm và đời sống của người lao động ở khu công nghiệp này cũng chịu những xáo trộn không nhỏ. Vậy những xáo trộn trong việc làm và đời sống đó là gì? Người lao động đã có những biện pháp ứng phó như thế nào trước sự thay đổi của việc làm trong đại dịch Covid-19? Những câu hỏi này còn là khoảng trống cần được giải đáp để giúp các doanh nghiệp tại khu công nghiệp Quế Võ nói riêng và chính quyền tỉnh Bắc Ninh nói chung tìm ra những giải pháp duy trì nguồn nhân lực cho sản xuất và sẵn sàng phục hồi kinh tế sau đại dịch.

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu phân tích thực trạng việc làm và đời sống của người lao động khu công nghiệp Quế Võ dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cũng như một số biện pháp ứng phó của người lao động đối với việc làm trong đại dịch. Vì vậy, phần còn lại của nghiên cứu bao gồm: Phần 2 tổng quan các nghiên cứu có liên quan; phần 3 giới thiệu về phương pháp và mô hình sử dụng trong nghiên cứu; phần 4 thảo luận các kết quả nghiên cứu; phần 5 cung cấp kết luận và một số kiến nghị.

2. Tổng quan nghiên cứu

Từ khi xuất hiện và ảnh hưởng lan rộng trên toàn thế giới đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 đã trở thành chủ đề của nhiều nghiên cứu không chỉ trong lĩnh vực y tế, sức khỏe mà còn trong cả các lĩnh vực lao động và việc làm, nơi Covid-19 đã và đang để lại những hệ lụy không nhỏ. Báo cáo mới nhất của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) cho thấy triển vọng việc làm của thanh niên ở châu Á - Thái Bình Dương đang bị thách thức nghiêm trọng do đại dịch. Những người trong độ tuổi từ 15-24 bị ảnh hưởng nặng nề hơn so với người trưởng thành trong cuộc khủng hoảng. ADB nêu rõ các phương diện mà cuộc khủng hoảng đang tác động đến thanh niên như: gián đoạn việc làm dưới hình thức giảm thời giờ làm việc và giảm thu nhập và mất việc làm đối với cả lao động làm công ăn lương và lao động tự làm (ADB, 2020).

Trong lĩnh vực dệt may, nghiên cứu của tổ chức Lao động quốc tế (ILO) khẳng định trung bình, một nữ công nhân dệt may trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã mất ít nhất 2 đến 4 tuần làm việc, chỉ có ba phần năm số người lao động được gọi trở lại làm việc khi nhà máy mở cửa hoạt động. Tình trạng giảm

thu nhập và chậm trả lương cũng là tình trạng phổ biến của các công nhân dệt may có việc làm trong năm 2020 (ILO, 2020). Cũng liên quan đến lĩnh vực dệt may, nghiên cứu tại khu công nghiệp dệt may lớn nhất Ethiopia về lao động nữ cho thấy đại dịch Covid-19 tạo ra sự chuyển dịch ngược của các lao động nữ từ khu vực thành thị về nông thôn bởi họ không còn việc làm trong các nhà máy may, điều này khiến cho họ trở thành nhóm người lao động có thu nhập rất thấp (Meyer & cộng sự, 2021).

Ở Việt Nam, nghiên cứu đánh giá tác động của Covid - 19 đến đời sống của công nhân ngành dệt may và da giày được thực hiện vào tháng 8/2020, khảo sát trên 1.280 công nhân đến từ 126 doanh nghiệp sản xuất dệt may và da giày ở 5 tỉnh thành Việt Nam bao gồm Hải Phòng, Hải Dương, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai. Covid-19 khiến người lao động ngành Dệt may và Da giày phải đối mặt với tình trạng việc làm không ổn định, mất hoặc giảm thu nhập, có nguy cơ rơi vào nghèo đói. Mất việc làm và giảm thu nhập khiến đời sống của công nhân rất khó khăn, người lao động đã và đang phải chật vật ứng phó. Mất việc làm và giảm thu nhập tăng gánh nặng chi phí cho phụ nữ và thách thức vai trò "trụ cột" của nam giới. Phụ nữ tăng gánh nặng việc làm không được trả công và chịu áp lực nhiều hơn với những căng thẳng trong gia đình (Care Việt Nam, 2020).

Bên cạnh các doanh nghiệp dệt may, doanh nghiệp điện tử (linh kiện điện thoại, máy tính, đồ gia dụng) cũng là loại hình doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, hoàn cảnh cũng trở nên tồi tệ do đối tác hủy đơn hàng. Có tới 60,3% doanh nghiệp cho biết việc khách hủy đơn hàng là một trong những tác động lớn nhất. Trong các doanh nghiệp điện tử ở Việt Nam, người lao động lớn tuổi và lao động nữ cũng là mục tiêu áp dụng hình thức nghỉ việc tạm thời (có lương hoặc không lương) và chấm dứt hợp đồng lao động (Đỗ Quỳnh Chi, 2020).

Nhìn chung, những nghiên cứu, đánh giá nhanh về ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tới việc làm của người lao động làm công ăn lương thường tập vào trung ngành dệt may, một ngành sản xuất thâm dụng lao động không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước đang phát triển khác. Tuy nhiên ảnh hưởng của đại dịch đến việc làm của lao động trong một số ngành khác như điện tử, ngành sản xuất quan trọng ở nhiều khu công nghiệp của Việt Nam, vẫn còn là một khoảng trống. Bên cạnh đó, sự thay đổi trong việc làm có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động cũng là nội dung ít được các nghiên cứu quan tâm. Vì vậy, trong bài viết này, tác giả tập trung vào các khoảng trống nghiên cứu bằng cách trả lời cho giả thuyết: đại dịch Covid-19 có tác động một cách khác nhau tới việc làm và đời sống của người lao động ngành dệt may và ngành điện tử ở khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin sơ cấp về việc làm và đời sống của người lao động trong 2 ngành dệt may và điện tử tại khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Người lao động được lựa chọn nhằm đảm bảo sự đa dạng về tuổi tác, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, giới tính và vị trí nghề nghiệp (công nhân, trưởng chuyền, quản lý phân xưởng). Thông tin được thu thập qua hình thức phỏng vấn trực tiếp người lao động bằng bảng hỏi bán cấu trúc, mỗi ngành có 60 lao động tham gia phỏng vấn, họ làm trong các doanh nghiệp điện tử và dệt may khác nhau tại khu công nghiệp Quế Võ. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu thông qua điện thoại với 01 lãnh đạo doanh nghiệp dệt may và 01 lãnh đạo doanh nghiệp điện tử nhằm hiểu rõ hơn về các chính sách doanh nghiệp đang áp dụng với người lao động để duy trì việc làm và ổn định cuộc sống của họ.

Số liệu điều tra người lao động được tổng hợp và phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả kết hợp với các kiểm định T-test và Mann Whitney U-test để kiểm định sự khác biệt về một số giá trị trung bình của người lao động ở 2 nhóm ngành sản xuất nêu trên (Đinh Phi Hổ, 2011). Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng mô hình multinomial logistic nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cách thức người lao động ứng phó về việc làm trong đại dịch. Mô hình hồi quy logit đa biến là loại mô hình kinh tế lượng dùng để lượng hóa sự ảnh hưởng của nhiều biến độc lập đến một biến phụ thuộc định tính (được đo lường bởi nhiều hơn 2 thuộc tính) (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Mô hình này được áp dụng phổ biến trong các nghiên cứu về giảm nghèo, về phân tích tác động của chính sách, về phân tích tài chính (Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2011). Tuy nhiên, trong phân tích về thị trường lao động thì việc sử dụng mô hình còn nhiều hạn chế. Vì vậy, trong nghiên cứu này mô hình được áp dụng cụ thể như sau:

$$\text{Log}(p_i/p_j) = \alpha_{ij} + \beta_{ij}X_1 + \beta_{ij}X_2 + ... + \varepsilon_{ij}$$

Trong đó, biến phụ thuộc đại diện cho cách thức ứng phó của người lao động về việc làm; biến phụ thuộc nhận giá trị 0 nếu người lao động không áp dụng biện pháp ứng phó nào (giữ nguyên công việc hiện tại); nhận giá trị 1 nếu người lao động làm thêm một công việc khác để tăng thu nhập; và nhận giá trị 2 nếu người lao động từ bỏ công việc trước đó của họ và chuyển hẳn sang làm một việc khác. Nếu gọi p_0 là xác suất để người lao động chỉ duy trì công việc hiện tại, p_1 là xác suất để người lao động làm thêm một công việc khác; và p_2 là xác suất để người lao động chuyển hẳn sang một công việc khác; khi đó mô hình sẽ là:

$$Log(p_1/p_0)= \alpha_{10} + \beta_{10}X_1+ \beta_{10}X_2+....+ \varepsilon_{10}$$

$$Log(p_2/p_0)= \alpha_{20} + \beta_{20}X_1+ \beta_{20}X_2+....+ \varepsilon_{20}$$

Các biến độc lập X đại diện cho những yếu tố ảnh hưởng đến cách thức ứng phó về việc làm của người lao động trong đại dịch Covid-19 như: giới tính, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, ngành nghề làm việc, quê quán (là người ngoại tỉnh hay người Bắc Ninh); và các chính sách hỗ trợ của doanh nghiệp nơi người lao động đang làm việc (Phụ lục Bảng 7).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Khái quát về người lao động tại khu công nghiệp Quế Võ

Bảng 1: Thông tin chung về người lao động được điều tra

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lao động ngành dệt may	Lao động ngành điện tử
Tuổi bình quân	Năm	29,56	27,67
Giới tính	%		
Nam		33,33	50,00
Nữ		66,67	50,00
Trình độ học vấn	%		
Trung học cơ sở		26,67	6,67
Trung học phổ thông		73,33	70,00
Cao đẳng, đại học		0,00	23,33
Tình trạng hôn nhân	%		
Độc thân		26,67	43,33
Đã kết hôn chưa có con		6,67	6,67
Đã kết hôn, có con		66,67	50,00
Ví trí việc làm	%		
Công nhân		93,33	88,33
Quản lý		6,67	11,67

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

Là một trong những khu công nghiệp lớn nhất tỉnh Bắc Ninh, khu công nghiệp Quế Võ thu hút lực lượng lao động chiếm hơn 33% tổng số lao động trong 10 khu công nghiệp của tỉnh. Lao động ở đây làm việc chủ yếu trong các doanh nghiệp điện tử của Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc; doanh nghiệp dệt may đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc; và một số doanh nghiệp chế biến thực phẩm trong nước (Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Bắc Ninh, 2020). Theo thống kê, tuổi bình quân của lao động còn khá trẻ, đặc biệt là lao động làm việc trong các doanh nghiệp điện tử có độ tuổi xung quanh 27 (trong đó người lớn tuổi nhất là 38 tuổi và nhỏ tuổi nhất là 18 tuổi). Lao động trong các doanh nghiệp dệt may có tuổi đời trung bình cao hơn và tỷ lệ lao động nữ cũng lớn hơn (Bảng 1). Một điểm đáng chú ý nữa về lao động trong khu công nghiệp Quế Võ đó là tỷ lệ lao động ngoại tỉnh tương đối lớn, chiếm tới hơn 93% lao động trong các doanh nghiệp dệt may và gần 67% trong các doanh nghiệp điện tử. Tỷ lệ này cao hơn so với các thống kê của những nghiên cứu trước ở Hải Phòng, Hải Dương, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh bởi Bắc Ninh là tỉnh có dân số thấp, lực lượng lao động mỏng trong khi sở hữu số lượng khu công nghiệp lớn nhất miền Bắc nên đã thu hút một lượng rất lớn lao động ngoại tỉnh (Đỗ Quỳnh Chi, 2020; Care Việt Nam, 2020).

4.2. Thực trạng việc làm của người lao động khu công nghiệp Quế Võ

4.2.1. Hiện trạng việc làm và thời gian làm việc

Thống kê từ 120 lao động điều tra cho thấy số năm làm việc trong các doanh nghiệp trung bình là 4,2 năm với người lao động ngành dệt may và 3,1 năm với người lao động ngành điện tử. Với vốn kinh nghiệm và sức trẻ, người lao động trở thành yếu tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp nên khi phải đối mặt với tình trạng thiếu việc làm do mất, giảm đơn hàng vì đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp dệt may và điện tử tại khu công nghiệp Quế Võ đều không để người lao động phải mất việc hay nghỉ việc không lương. Phần lớn các lao động chỉ phải giảm thời gian làm việc thông qua hình thức giãn ca, làm luân phiên, không tăng ca (Hình 1). Tỷ lệ lao động ngành dệt may phải giảm thời gian làm việc cao hơn so với lao động ngành điện tử với 83,3%. Con số này thấp hơn tỷ lệ 86,9% người lao động ngành dệt may phải cắt giảm giờ/ngày làm việc trong nghiên cứu của Care Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020 (Care Việt Nam, 2020). Bỏ qua lý do về chọn mẫu thống kê, thì tỷ lệ lao động trong các doanh nghiệp dệt may bị giảm thời gian làm việc giảm đi trong năm 2021 có thể được giải thích do nhiều doanh nghiệp đã khôi phục được đơn hàng và xuất khẩu trở lại (Tổng cục Thống kê, 2021).

Hình 1: Hiện trạng việc làm của người lao động tại khu công nghiệp Quế Võ

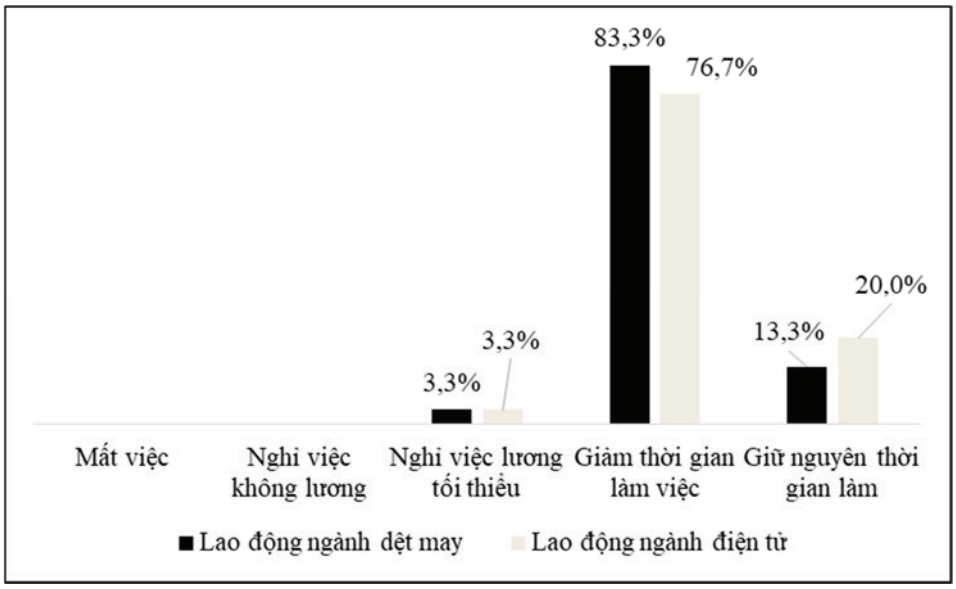

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

Trong khủng hoảng của đại dịch vẫn có một tỷ lệ nhỏ người lao động tại các doanh nghiệp được duy trì việc làm ổn định, đặc biệt ở các doanh nghiệp điện tử có 20% số người lao động được hỏi trả lời rằng thời gian làm việc của họ không thay đổi. Họ là những quản lý phân xưởng, trưởng dây chuyền sản xuất hay một số lao động kỹ thuật cao ở các vị trí không thể cắt giảm và thay thế.

Một yếu tố quan trọng khác của việc làm là thời gian làm việc. Đại lượng này được đo lường bằng các chỉ tiêu như số giờ làm việc/ngày, số ngày tăng ca/tháng và số ngày nghỉ làm/tháng. Trước đại dịch Covid-19, một lao động dệt may làm việc trung bình 10,52 giờ/ngày, cao hơn (một cách có ý nghĩa thống kê) 1,26 giờ so với lao động điện tử. Tuy nhiên, tại thời điểm điều tra, một lao động dệt may chỉ làm việc 6,68 giờ/ngày, thấp hơn gần 1 giờ so với lao động điện tử; số ngày nghỉ làm/tháng của lao động dệt may cũng nhiều hơn 4 ngày so với lao động ngành điện tử (Bảng 2). Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Dệt may Việt Nam trong 200 doanh nghiệp cuối năm 2020, vẫn có tới hơn 70% doanh nghiệp bị sụt giảm trên 30% đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu lớn là Mỹ và EU. Ngược lại, xuất khẩu máy tính, điện thoại và linh kiện điện thoại của các doanh nghiệp điện tử chịu ảnh hưởng ít hơn bởi Covid-19 khi vẫn có từ 2% đến 16% sản lượng xuất khẩu gia tăng ở một số doanh nghiệp (Đỗ Quỳnh Chi, 2020). Hơn thế nữa, nhiều công ty điện tử lớn như Canon, Samsung đã dịch chuyển một số nhà máy sang Việt Nam để hạn chế ảnh hưởng của đại dịch khiến cho người lao động trong các doanh nghiệp điện tử ở khu công nghiệp Quế Võ có cơ hội việc làm nhiều hơn.

Bảng 2: Thời gian làm việc

Chỉ tiêu	Lao động ngành dệt may	Lao động ngành điện tử	Kiểm định T-Test
Trước đại dịch Covid 19			
Giờ làm việc trung bình/ngày	10,52	9,26	3,97*
Số ngày tăng ca/tháng	7,86	5,32	4,12**
Số ngày nghỉ làm/tháng	4,00	4,00	1,08
Thời điểm hiện tại			
Giờ làm việc trung bình/ngày	6,68	7,56	3,03*
Số ngày tăng ca/tháng	0,00	0,00	1,01
Số ngày nghỉ làm/tháng	10,42	6,18	2,15***

** mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.*
Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

4.2.2. Hiện trạng điều kiện làm việc

Điều kiện làm việc là một trong những yếu tố có ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động trong đại dịch Covid-19. Không chỉ ở Việt Nam, điều kiện làm việc của người lao động trong đại dịch là mối quan tâm của nhiều doanh nghiệp trên thế giới. Nghiên cứu dựa trên 20 nghìn người lao động ở Tây Ban Nha cho thấy 71,2% lao động làm việc mà không có đủ trang thiết bị bảo hộ chống lây nhiễm Covid-19, 36,7% lao động cảm thấy sức khỏe của họ giảm sút. Nghiên cứu khẳng định Covid-19 khiến người lao động phải làm việc trong những điều kiện độc hại hơn, nhiều chỉ số sức khỏe giảm sút so với thời điểm trước đại dịch (Nicolas & cộng sự, 2021).

Bảng 3: Điều kiện làm việc trong đại dịch

Chỉ tiêu	Lao động ngành dệt may (%)	Lao động ngành điện tử (%)	Kiểm định Mann-Whitney
Trang bị phòng dịch			
Tốt	53,33	60,00	2,07*
Bình thường	33,33	36,67	0,08
Chưa tốt	13,33	3,33	1,39
Tăng cường dinh dưỡng			
Tăng cường dinh dưỡng	23,33	33,33	1,21
Giữ nguyên khẩu phần ăn	66,67	60,00	2,12**
Cắt giảm khẩu phần ăn	10,00	6,67	0,39

** mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.*
Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

Trong nghiên cứu này, điều kiện làm việc của người lao động được đánh giá trên hai khía cạnh: trang thiết bị phòng dịch như nước xịt khuẩn, nhiệt kế, vách ngăn giọt bắn ở nơi làm việc và căng tin; và dinh dưỡng trong bữa ăn. Về trang thiết bị phòng dịch, trên 53% người lao động ở cả 2 nhóm ngành đều đánh giá các doanh nghiệp đã cố gắng đầu tư các vật dụng giúp tăng cường điều kiện phòng dịch. Hoạt động này của doanh nghiệp đã giúp người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với doanh nghiệp trong thời điểm khủng hoảng. Tuy nhiên, khi được hỏi về điều kiện dinh dưỡng trong bữa ăn thì chỉ có 23% đến 33% người lao động cho rằng các doanh nghiệp cố gắng tăng cường dinh dưỡng trong thời điểm đại dịch để họ có sức khỏe tốt hơn (Bảng 3).

4.2.3. Hiện trạng thu nhập của người lao động

Song song với việc giảm/giãn ca để đối phó với sự thiếu hụt việc làm trong đại dịch, các khoản phụ cấp tăng ca cũng như tiền thưởng vượt định mức cũng được phần lớn các doanh nghiệp cắt giảm tối đa. Khảo

Bảng 4: Thu nhập của người lao động từ các nguồn khác nhau (triệu đồng/tháng)

Chỉ tiêu	Trước đại dịch Covid 19	Thời điểm hiện tại	Kiểm định T-test (trước/hiện tại)
Lao động ngành dệt may	**9,86**	**6,07**	**3,01*** **
Tiền lương	7,18	6,02	2,82**
Phụ cấp tăng ca	2,08	0,00	2,37*
Thưởng	0,60	0,05	2,09
Lao động ngành điện tử	**10,68**	**7,25**	**4,21** **
Tiền lương	8,25	7,20	3,38**
Phụ cấp tăng ca	1,74	0,00	3,48**
Thưởng	0,69	0,05	2,10
Kiểm định T-test (Dệt may/điện tử)	3,18**	2,67*	-

** mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.*
Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

sát của Đại học Kinh tế quốc dân (NEU) trên một số doanh nghiệp dệt may, điện tử và chế biến gỗ cho thấy 34% số doanh nghiệp giảm lương của người lao động (NEU & JICA, 2020). Ở khu công nghiệp Quế Võ, số liệu thống kê từ 120 lao động cũng cho thấy con số tương tự. Cả lao động ngành dệt may và điện tử đều bị mất toàn bộ thu nhập từ tăng ca, cùng với đó là sự sụt giảm tiền lương khiến tổng thu nhập của 1 lao động dệt may giảm hơn 38% so với trước đại dịch; lao động ngành điện tử bị ảnh hưởng ít hơn với 32% thu nhập giảm sút (Bảng 4). So với việc một lao động ngành dệt may ở Ethiopia hay Ấn Độ bị giảm từ 57% đến 80% thu nhập, thì tỷ lệ sụt giảm thu nhập của lao động dệt may được thống kê ở khu công nghiệp Quế Võ còn khá thấp (Meyer & cộng sự, 2021; Kaur, 2021). Điều này một mặt do các doanh nghiệp đã nỗ lực tìm các giải pháp để duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động; mặt khác là do các chính sách hỗ trợ từ phía Chính phủ cho doanh nghiệp như giãn thuế, giãn nợ để doanh nghiệp không phải cắt giảm quá nhiều nguồn lực lao động của mình (NEU & JICA, 2020).

Hộp 1: Ý kiến của chủ doanh nghiệp dệt may

Đại dịch Covid-19 khiến doanh nghiệp của tôi bị hủy một nửa số đơn hàng trong năm 2020, năm 2021 này tình hình có vẻ được cải thiện nhưng đối tác EU và Mỹ vẫn chậm thanh toán nhiều đơn hàng. Vì vậy nhiều lao động của doanh nghiệp phải giảm việc, giảm lương. Doanh nghiệp nhận được các chính sách hỗ trợ của Chính phủ về thuế và lãi suất nên chúng tôi vẫn duy trì được sản xuất và cố gắng không để người lao động nào mất hoàn toàn thu nhập (Ông Trần Công Tiến, công ty may Việt Hưng, khu công nghiệp Quế Võ).

4.3. Thực trạng đời sống của người lao động

4.3.1. Thực trạng chi tiêu

Hầu hết người lao động là trụ cột gia đình, vì thế thu nhập sụt giảm có ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiêu cho cuộc sống của gia đình họ. Ở cả 2 nhóm lao động mọi chi tiêu đều được cắt giảm đến mức tối đa, đặc biệt chi tiêu cho du lịch, giải trí được nhiều người cắt giảm nhất; kế đến là chi tiêu cho lương thực thực phẩm và đồ thiết yếu (Hình 2). Kết quả trong nghiên cứu này khá tương đồng với nghiên cứu về ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến người lao động dệt may ở Ethiopia tìm ra rằng 57% người lao động phải cắt giảm tối đa chi tiêu cho lương thực và 52% lo lắng họ sẽ bị rơi vào tình trạng không thể mua thức ăn nếu tình hình dịch bệnh không được cải thiện (Meyer & cộng sự, 2021). Đối với chi tiêu cho y tế và giáo dục, người lao động

cho rằng đây là 2 khoản chi khó tiết giảm vì chúng liên quan mật thiết tới sức khỏe và quyền lợi học tập của con cái nên họ cố gắng duy trì. Đối với nhà ở, chi phí có giảm ở 6% lao động ngành điện tử và hơn 13% lao động ngành dệt may là do một số chủ nhà trọ đã giảm giá thuê nhà nhằm hỗ trợ người lao động lúc khó khăn.

Hình 2: Cắt giảm chi tiêu của người lao động

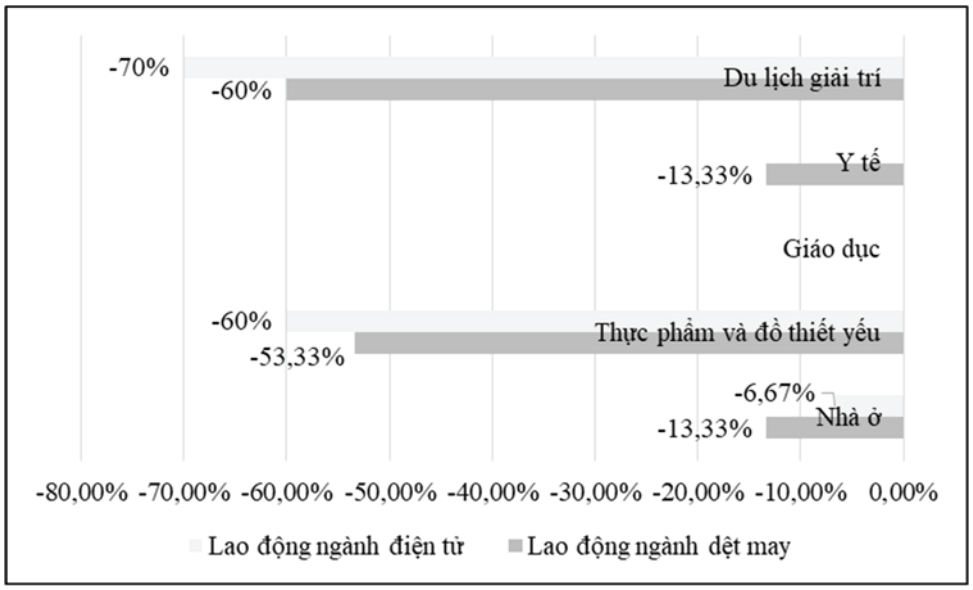

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

4.3.2. Đời sống tinh thần

Bảng 5: Đời sống tinh thần của người lao động

Chỉ tiêu	Lao động ngành dệt may (%)	Lao động ngành điện tử (%)	Kiểm định Mann-Whitney
Lo lắng cho tương lai	76,67	53,33	1,97*
Tăng tranh cãi gia đình	30,00	16,67	0,98
Tăng bạo lực gia đình	13,33	10,00	0,39

** mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.*
Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

Đại dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến đời sống vật chất mà còn tác động không nhỏ tới đời sống tinh thần của người lao động khi họ phải liên tục lo lắng về rủi ro dịch bệnh và tương lai bất định. Trong nghiên cứu này, hơn 76% người lao động dệt may trả lời họ lo lắng về tương lai trong khi con số này là 53% ở lao động ngành điện tử (Bảng 5). Sự khác biệt trong 2 tỷ lệ đến từ số đông người lao động dệt may là nữ giới nên họ có phần lo lắng nhiều hơn; hơn thế nữa thu nhập của người lao động ngành dệt may cũng có xu hướng giảm nhiều hơn nên càng khiến họ lo lắng. Ở khu công nghiệp Quế Võ, hiện tượng tranh cãi giữa các thành viên trong gia đình cũng như tăng bạo lực gia đình được ít người lao động đề cập tới.

4.4. Ứng phó của người lao động trong đại dịch Covid 19

Đứng trước những khó khăn do mất việc, giảm việc và giảm thu nhập, người lao động khu công nghiệp Quế Võ cũng đã tìm các cách thức ứng phó khác nhau như làm thêm công việc khác (chạy grab, bán hàng online, bán nước...); một số lao động ngành dệt may (3,33%) bị nghỉ việc tạm thời đã chuyển hẳn sang tìm công việc khác (Hình 3). Ở chiều ngược lại, phần lớn người lao động được hỏi vẫn trả lời rằng họ không có ứng phó gì về công việc, chỉ cố gắng cắt giảm chi tiêu để chờ ngày doanh nghiệp khôi phục sản xuất. Người lao động cũng cho rằng không phải dễ dàng để chuyển đổi công việc hay tìm kiếm việc làm thêm do các lệnh giãn cách của Chính phủ nên đi lại khó khăn; do trình độ của họ chỉ ở trong một lĩnh vực sản xuất; hoặc do phải chăm sóc con cái, đặc biệt với lao động nữ.

Hình 3: Ứng phó trong công việc của người lao động

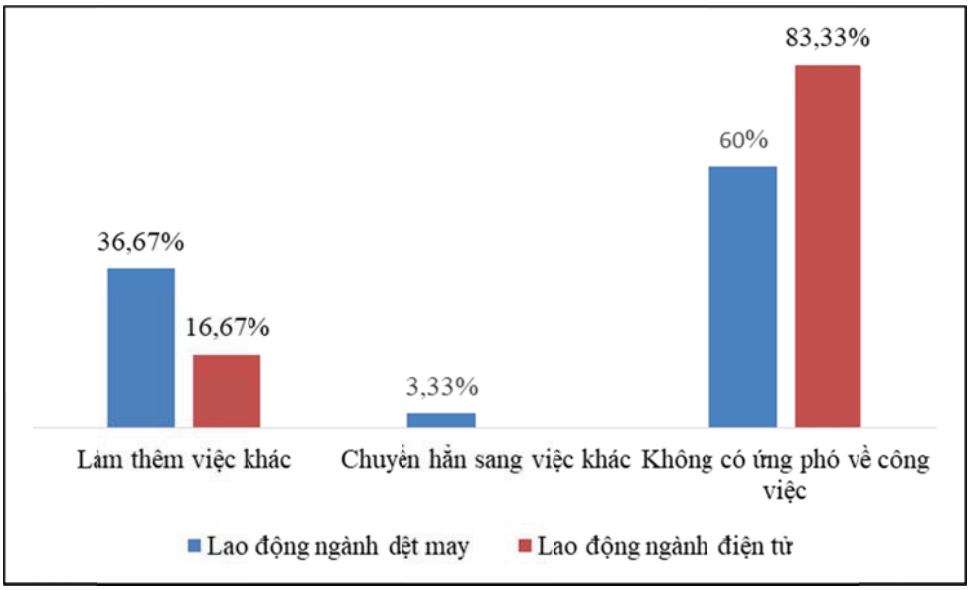

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

Để lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến cách thức ứng phó của người lao động đối với công việc trong đại dịch, nghiên cứu sử dụng mô hình logit đa biến với kết quả thu được ở Bảng 6. Một số yếu tố ảnh hưởng (có ý nghĩa thống kê) đến sự ứng phó của người lao động bao gồm: giới tính (X_1), tình trạng hôn nhân (X_2 có con), xuất thân của người lao động (X_5 ngoại tỉnh); trình độ học vấn (X_7 đại học); hỗ trợ của doanh nghiệp (X_8).

Để làm rõ kết quả thu được trong Bảng 6, giả sử xác suất để người lao động giữ nguyên công việc hiện tại là 30%, có thể tính được: Xác suất để lao động nam làm thêm công việc khác là 30,51%; Xác suất để những lao động đã có gia đình và có con làm thêm công việc khác là 30,8%; Xác suất để lao động ngoại tỉnh phải làm thêm công việc khác là 38,8%; Xác suất để người lao động có trình độ học vấn ở bậc cao đẳng, đại học chuyển hẳn sang làm công việc khác là 36,5%; Xác suất để người lao động có nhận được hỗ trợ tài chính từ doanh nghiệp đi làm thêm việc khác chỉ là 8,7%.

Bảng 6: Kết quả mô hình logit đa biến

Biến độc lập	Làm thêm việc khác			Chuyển hẳn sang việc khác		
	Hệ số hồi quy (β)	Độ lệch chuẩn	Exp (β)	Hệ số hồi quy (β)	Độ lệch chuẩn	Exp (β)
Hệ số tự do	2,468	5,594	-	-4,788	8,301	-
X_1(Giới tính)	0,024*	2,002	1,024	0,158	0,002	1,172
X_2 (Có con)	0,037**	4,083	1,038	0,071	0,104	1,073
X_3 (Chưa có con)	1,002	0,402	2,724	1,286	0,633	3,620
X_4 (Ngành nghề)	-3,180	0,460	0,042	-3,583	0,263	0,028
X_5 (Ngoại tỉnh)	0,391**	3,059	1,479	0,384	0,074	1,468
X_6 (Học vấn 1)	1,498	0,288	4,471	1,168	0,048	3,214
X_7 (Học vấn 2)	0,881	1,244	2,413	0,293*	2,538	1,340
X_8 (Doanh nghiệp)	-1,500***	3,363	0,223	-1,885**	2,267	0,152
Cox and Snell 0.671; Nagelkerke 0.708; Chi-square 155.31; Sig 0.000						

** mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.*
Nguồn: Tổng hợp kết quả mô hình logit của tác giả, 2021.

5. Kết luận

Với mục tiêu phân tích hiện trạng việc làm và đời sống của người lao động khu công nghiệp Quế Võ dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cũng như ứng phó của người lao động đối với việc làm trong đại dịch, nghiên cứu đi đến một số kết luận sau đây:

Về việc làm: Đa số người lao động đều báo cáo họ bị giảm thời gian làm việc, trong đó tỷ lệ lao động bị giảm việc làm ở các doanh nghiệp dệt may cao hơn so với doanh nghiệp điện tử. Tuy nhiên, không xuất hiện tình trạng lao động bị mất việc hay nghỉ việc không lương hoàn toàn.

Về điều kiện làm việc: Đánh giá của người lao động ở cả 2 nhóm ngành cho rằng doanh nghiệp có cố gắng cải tiến trang thiết bị lao động để phòng dịch nhưng do khó khăn về tài chính nên dinh dưỡng trong các bữa ăn của người lao động được giữ nguyên, ít có sự cải thiện.

Về đời sống: Thu nhập của người lao động ngành điện tử giảm khoảng 32%, thu nhập người lao động ngành dệt may giảm khoảng 38% do đó chi tiêu cho cuộc sống phải tiết giảm tối đa, đặc biệt cho lương thực, thực phẩm và nhu cầu vui chơi giải trí. Mặc dù khó khăn và căng thẳng vì đại dịch nhưng phần lớn người lao động cố gắng duy trì không khí gia đình vui vẻ, ít có xung đột và bạo lực.

Về các biện pháp ứng phó: Người lao động cố gắng tìm thêm việc làm hoặc chuyển hẳn sang công việc khác nhưng rất ít vì có một yếu tố ảnh hưởng đến sự ứng phó của họ đối với việc làm như giới tính, con cái, trình độ học vấn và những hỗ trợ của doanh nghiệp. Đặc biệt người lao động nhận được hỗ trợ tài chính của doanh nghiệp thì ít có xu hướng phải tìm việc làm thêm.

Từ những hiện trạng trên nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị chính sách đối với người lao động ở các khu công nghiệp như: (i) doanh nghiệp, tổ chức công đoàn cần quan tâm hỗ trợ người lao động bằng nhiều hình thức về tài chính, hiện vật và tinh thần để giúp đỡ họ vượt qua khó khăn đại dịch; (ii) doanh nghiệp cần cải thiện điều kiện làm việc cũng như tăng cường dinh dưỡng bữa ăn để đảm bảo sức khỏe cho người lao động khi phải làm việc trong môi trường rủi ro cao về dịch bệnh.

PHỤ LỤC

Bảng 7: Thống kê mô tả các biến sử dụng trong mô hình

Biến	Định nghĩa	Số quan sát	Tần suất (%)
Phụ thuộc	0: Không áp dụng biện pháp ứng phó (biến tham khảo)	86	71,76
	1: Làm thêm 1 công việc khác	32	26,66
	2: Chuyển hẳn sang công việc khác	2	1,67
X_1	0: Nữ (biến tham khảo)	70	58,33
	1: Nam	50	41,67
	0: Độc thân (biến tham khảo)	42	35,00
X_2	1: Có con	70	58,33
X_3	2: Chưa có con	8	6,67
X_4	0: Dệt may (biến tham khảo)	60	50,00
	1: Điện tử	60	50,00
X_5	0: Lao động người Bắc Ninh (biến tham khảo)	24	20,00
	1: Lao động người ngoại tỉnh	96	80,00
	0: Trung học cơ sở (biến tham khảo)	20	16,67
X_6	1: Trung học phổ thông	86	71,67
X_7	2: Cao đẳng, đại học	14	11,66
X_8	0: Doanh nghiệp không hỗ trợ (biến tham khảo)	43	35,83
	1: Doanh nghiệp có hỗ trợ	77	64,17

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2021.

Tài liệu tham khảo

ADB (2020), *Giải quyết khủng hoảng việc làm cho thanh niên do đại dịch Covid-19 tại châu Á – Thái Bình Dương*, thông cáo báo chí, ngày 18 tháng 8, Việt Nam.

Care Việt Nam (2020), *Tác động của dịch Covid-19 đến công nhân ngày dệt may và da giày Việt Nam: Góc nhìn của người lao động, Các phát hiện chính và hàm ý chính sách cho công đoàn và Chính phủ*, Hà Nội.

Cục Thống kê Bắc Ninh (2020), *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2020*, Bắc Ninh.

Đinh Phi Hổ (2011), *Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển nông nghiệp*, Nhà xuất bản Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đỗ Quỳnh Chi (2020), Đánh giá nhanh tác động của đại dịch Covid-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành kinh tế chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi, truy cập ngày 23 tháng 5 năm 2021, từ <https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo- hanoi/documents/publication/wcms_757928.pdf>.

Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2011), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

ILO (2020), *Ngành dệt may Châu Á – Thái Bình Dương chịu tác động nặng nề do Covid ảnh hưởng toàn bộ chuỗi cung ứng*, thông cáo báo chí, ngày 21 tháng 10, Hà Nội.

Kaur, Kiranpreet (2021), 'The early impact of Covid-19 on textile industry: An empirical analysis', *Management and Labour Studies*, DOI: 10.1177/0258042X21991018.

Meyer, Christian Johannes, Kagy, Gisella & Demeke, Eyoual (2021), 'The market-reach of pandemics: Evidence from female workers in Ethiopia's ready-made garment industry', *World Development*, 137, DOI: https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2020.105179.

NEU & JICA (2020), Đánh giá các chính sách ứng phó với Covid-19 và các khuyến nghị, Hà Nội.

Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Lương Hiền, Johnathan Ooi, & Ong Tiong Hooi (2020), *Phân tích các tác động tiềm ẩn của Covid-19 đối với kinh tế Việt Nam*, truy cập ngày 19 tháng 5 năm 2021, từ <https://www.pwc.com/vn/vn/publications/2020/pwc-vietnam-covid-19-vietnam-economy-and-export-vn.pdf>.

Nicolas, Sergio Salas, Moncada, Salvador & Navarro, Albert (2021), 'Working conditions and health in Spain during the Covid-19 pandemic: Minding the gap', *Safety Science*, 134, DOI: http://doi.org/10.016/j.ssci.2020.105064.

Tổng cục thống kê (2021), *Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động việc làm quý I năm 2021*, Hà Nội.

Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Bắc Ninh (2020), *Khu công nghiệp – Tổng lực phát triển kinh tế tỉnh Bắc Binh giai đoạn 2020-2035*, Bắc Ninh.